

# Cái mới trong ngôn ngữ thơ Hồ Chí Minh dưới cách nhìn của lý thuyết ẩn dụ

Hữu Đạt\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 27 tháng 7 năm 2008

**Tóm tắt.** Bài báo này áp dụng lý thuyết về ngôn ngữ học tri nhận, cụ thể là lý thuyết về ẩn dụ tri nhận để phân tích một số bài thơ trong tập "Nhật ký trong tù" của Hồ Chí Minh. Ngoài việc trình bày những quan niệm cơ bản về ẩn dụ tri nhận, tác giả còn phân tích những hạn chế của Lakoff và Johnson trong cách nhìn của lý thuyết ngôn ngữ học vào ngôn ngữ thơ ca hiện đại. Nhờ đó, bằng thao tác phân tích hình tượng theo hai con đường lập mã và giải mã, tác giả bài báo đã tìm ra **những cái mới trong cách dùng ngôn ngữ** của "Nhật ký trong tù". Kết quả phân tích cho phép người đọc hình dung được tầm sâu trong tư duy triết học và tư duy thơ ca của nhà thơ Hồ Chí Minh.

1. Ẩn dụ tri nhận là một trong các bộ phận quan trọng của lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận, một lý thuyết thuộc loại hiện đại nhất của nghiên cứu ngôn ngữ học hiện nay (xem thêm [1-5]) Khác với cách hiểu trong văn học truyền thống và trong tu từ học, theo lý thuyết này, ẩn dụ không chỉ được hiểu đơn thuần là loại cấu trúc "so sánh gồm có một vế" hay là "so sánh ngầm" [6-10]... mà còn được hiểu như một cách thức tri nhận thế giới thông qua cách biểu đạt của tư duy lô gích được định hình trong ý thức của mỗi cộng đồng ngôn ngữ nhất định. Bởi thế, có người quan niệm "ẩn dụ tri nhận (hay còn gọi là ẩn dụ ý niệm - cognitive/ conceptual metaphor) - đó là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu

hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể tri nhận được tri thức mới" [1, tr. 293].

Các nhà ngôn ngữ học tri nhận nổi tiếng thế giới đã luận bàn khá nhiều đến mối quan hệ chiều sâu giữa tư duy trừu tượng hình thành trong ý thức con người và những điều mà họ quan sát được về thế giới xung quanh như: khoảng cách không gian, thời gian vật lý, quá trình vận động của các vật thể... Kết quả là, sau một chặng đường dài tiến lên của nhận thức, toàn bộ các sự vật, hiện tượng tồn tại trong thế giới khách quan đã được mô thức hóa thành các lược đồ và thể hiện dưới hình thức của các biểu thức ngôn ngữ theo thói quen về tâm lý, văn hóa của mỗi dân tộc cụ thể.

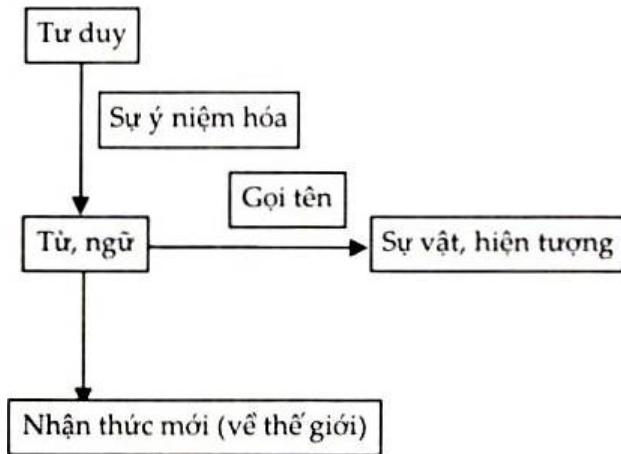
Như vậy, có thể coi ẩn dụ tri nhận là con đường ý niệm hóa về sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan thông qua các từ, ngữ đã

\* ĐT: 84-4-7641183

E-mail: dat53@yahoo.com



có liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa dân tộc. Con đường này có thể được hình dung qua lược đồ sau:



Trong cách nhìn của lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ tri nhận được chia thành ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ bản thể, ẩn dụ kênh liên lạc và ẩn dụ định hướng [1, 3]. Chẳng hạn, Lakoff và Johnson quan niệm có 3 loại ẩn dụ tri nhận là: ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ bản thể và ẩn dụ định hướng. Trong đó, tiêu biểu cho ẩn dụ cấu trúc là các lối nói như *Your claims are indefensible* (Các đòi hỏi của anh không thể biện hộ được). Còn tiêu biểu cho ẩn dụ bản thể là các lối nói kiểu *Cần quyết liệt đấu tranh chống tham nhũng*. Với lối nói này, ẩn dụ bản thể được giải thích là quá trình đôi tượng hóa những cái trừu tượng để hình dung nó như là một đôi tượng cụ thể. Khác với hai kiểu ẩn dụ tri nhận nói trên, ẩn dụ định hướng liên quan tới việc định hướng trong không gian theo nhận thức về khoảng cách, tầm nhìn nhờ các cặp đôi lập như: xa/gần, trên/dưới, trong/ngoài, trước/sau, lên/xuống, vào/ra... Ví dụ: *Nó béo ra, mặt cô ta tươi tỉnh hẳn lên...*

Tuy nhiên, Lakoff và Johnson cho rằng, nói đến ẩn dụ tri nhận người ta chỉ nói tới ngôn ngữ đời thường chứ không nói tới ẩn dụ trong thơ ca. Cách hiểu này quá hẹp và chỉ đúng với thơ cổ điển khi mà ngôn ngữ thơ ca và ngôn ngữ đời thường nằm trong dạng đôi

lập và không dung nạp lẫn nhau. Đối với thơ hiện đại, tình hình đã hoàn toàn khác hẳn. Do những tác động của xã hội và đời sống, ngôn ngữ đời thường đã xâm nhập vào lãnh địa thơ ca và trong nhiều trường hợp ngôn ngữ của hai lĩnh vực này đã hòa vào nhau, xóa đi đường ranh giới phân cách về chức năng giữa chúng. Do đó, khi nói tới ẩn dụ tri nhận chúng ta không chỉ cứ nhắc nói tới ngôn ngữ đời thường mà còn phải nói tới cả ẩn dụ trong thơ ca nữa. Đương nhiên, ở đây cũng cần phân biệt ẩn dụ tu từ và ẩn dụ tri nhận. Ẩn dụ tu từ là ẩn dụ lâm thời được hình thành theo cách hiểu riêng của tác giả, ví dụ: *Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông*. Còn ẩn dụ tri nhận được hình thành từ cách nhận thức chung của cộng đồng.

Hiểu theo cách như vậy thì phạm vi hoạt động của ẩn dụ tri nhận khá phong phú. Nó tồn tại dưới nhiều hình thức như thần thoại, ngụ ngôn, thành ngữ, ca dao, câu đối, câu đố... Nhưng tiêu biểu nhất là trong thơ ca, bởi nói tới thơ ca, không thể nói không nói tới ẩn dụ. Không có ẩn dụ, thơ ca sẽ bị tước đi mất cái sức mạnh *siêu ngôn ngữ* của nó. Tức là, sự xuất hiện của ẩn dụ sẽ làm cho cấu trúc ngôn ngữ luôn được mở rộng theo chiều kích năng động của tư duy chứ không bị khuôn cứng trong các mô hình.

2. Nói tới thơ ca, người ta không thể không nói tới phương thức ẩn dụ. Bởi vì, hơn bất cứ thể loại văn học nào khác, thơ ca là một thể loại văn học có hình thức ngôn ngữ đặc biệt khác hẳn với văn xuôi, kịch hay điện ảnh. Ngôn ngữ thơ ca với số lượng hữu hạn các đơn vị từ ngữ vẫn phải phản ánh mọi cung bậc đa dạng của từ tượng, tình cảm và sự phong phú nhiều mặt của các hoạt động trong đời sống con người. Độ tập trung từ vựng cùng với tính khái quát cao về hình tượng là một trong những đặc điểm nổi bật



nhất của ngôn ngữ thơ ca. Nhờ có đặc điểm này mà ngôn ngữ thơ ca mới thực hiện được cái gọi là "ý tại ngôn ngoại". Nói một cách cụ thể, ngôn ngữ thơ ca luôn phải vươn tới một tương quan có tính "nghịch lý" là lời ít mà ý phải nhiều. Để có thể hiện thực hoá khả năng này, mỗi nhà thơ luôn phải tìm tòi những con đường riêng để khai thác triệt để tính đa trị của ngôn ngữ. Một trong những con đường ấy chính là phương thức ẩn dụ. Đúng như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét: "Sức mạnh của ẩn dụ là nhận thức". Ẩn dụ đem đến cho thơ ca những cái mới trong cảm nhận thế giới và mở ra cho con người những khả năng tìm tòi, khám phá về các mối liên hệ, quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng. Nó làm cho trí tưởng tượng thêm phong phú, bay bổng, thoát khỏi sự phản ánh các sự kiện bằng lối cấu trúc ngôn ngữ thông thường. Thông qua ẩn dụ, người ta có thể nhận ra phong cách cá nhân của mỗi nhà thơ cùng những sáng tạo nghệ thuật được xây dựng từ một cái nền riêng của thơ ca mỗi dân tộc. Chính vì vậy, có người nói "ẩn dụ, từ cội nguồn đã có tác dụng nhận thức luận, vào thơ, nó giúp cho người ta nhận thức sự vật một cách thâm mỹ, góc độ hình tượng - cảm xúc qua một từ mới lại được nhà thơ sáng tạo theo tinh thần của một thi pháp".

3. Đọc thơ văn Hồ Chí Minh người đọc dễ nhận thấy, phương thức ẩn dụ là một trong những phương thức tu từ có một sức mạnh và giá trị đặc biệt trong việc biểu đạt những tư tưởng sâu sắc của Người. Có thể nói, trong mỗi bài nói chuyện hoặc trong mỗi bài viết, chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng phương thức này với tư cách là một thủ pháp nghệ thuật nên nó luôn được chú ý khai thác một cách triệt để nhất. Riêng trong lĩnh vực thơ ca, phương thức ẩn dụ đã được Người sử dụng với những sắc thái độc đáo, đa dạng

(bao gồm cả ẩn dụ tu từ và ẩn dụ tri nhận) và nó là một trong những yếu tố làm nên phong cách nghệ thuật thơ ca của Hồ Chí Minh cũng như khả năng làm mới các yếu tố ngôn ngữ trong sự sáng tạo riêng của Người.

Trong tập "Nhật ký trong tù", ta gặp nhiều bài thơ, về hình thức chỉ là những bài thơ tả cảnh hoặc tả tâm trạng, nhưng nội dung của nó lại hàm chứa những hình tượng sâu sắc. Ví dụ bài "Thuy bất trước":

*Nhất canh...nhị canh...hựu tam canh,  
Triển chuyển, bồi hồi, thuy bất thành;  
Tứ, ngũ canh thì tài hợp nhân,  
Mộng hôn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh.*

Dịch thơ:

*Một canh...hai canh...lại ba canh,  
Trần trọc bần khoăn, giấc chẳng thành;  
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
Sao vàng năm cánh mộng hôn quanh.*

(Nam Trân)

Trong bài thơ này, có sự xuất hiện của 2 loại ẩn dụ tri nhận. Đó là ẩn dụ cấu trúc và ẩn dụ bản thể. Câu thơ *Triển chuyển, bồi hồi, thuy bất thành* ở đây được hiểu là "sự bồi hồi của cảm xúc đã tẩn công vào giấc ngủ" của tác giả. Còn câu thơ *Mộng hôn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh* thì "tinh thần yêu nước, lòng khát khao về một đất nước tự do" được xem như là một đối tượng cụ thể "sao vàng năm cánh".

Rõ ràng, nội dung tư tưởng chính của bài thơ không phải chỉ nói về chuyện "ngủ không được" của một người tù. Hình tượng của bài thơ này là niềm khát khao về tương lai của một đất nước độc lập với hình ảnh "sao vàng năm cánh". Nó luôn là nỗi ám ảnh khôn nguôi trong tâm trí của người tù Nguyễn Ái Quốc, là nỗi trăn trở của một người thanh niên yêu nước suốt đời nguyện đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà. Do hiểu được cái hình tượng sâu sắc bên trong đó của bài thơ nên tuy các dịch giả có những cách diễn đạt



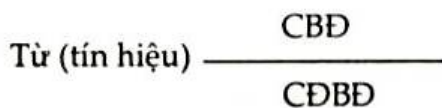
khác nhau, câu thơ cuối vẫn là "câu kết" chứa đựng hình tượng về tổ quốc.

*Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
Sao vàng năm cánh quạt hồn ta.*

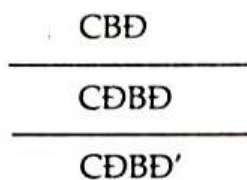
(Xuân Thủy)

Ở đây, ta thấy rõ hai con đường tư duy của người lập mã hình tượng (tác giả) và người giải mã hình tượng (người đọc) đi theo hướng ngược chiều nhau. Người lập mã thì coi những cái trừu tượng như một đối tượng cụ thể, còn người giải mã lại đi từ đối tượng cụ thể để đi tìm cái trừu tượng ban đầu.

4. Các nhà phong cách học thường nói, ẩn dụ cũng là so sánh nhưng là so sánh ngầm, tức là so sánh chỉ có một vế. Theo lý thuyết tín hiệu của F.d. Sausure thì mỗi tín hiệu ngôn ngữ bao giờ cũng có hai mặt: mặt âm thanh được gọi là cái biểu đạt (CBD) và mặt ý nghĩa, gọi là cái được biểu đạt (CDBĐ). Hai mặt này gắn bó khăng khít với nhau như một tờ giấy. Nếu coi từ là một tín hiệu, thì mối quan hệ đó có thể được hình dung theo sơ đồ sau:



Như vậy, từ một tín hiệu đã có (tức từ một từ đã tồn tại trong ngôn ngữ), khi muốn tạo ra một ẩn dụ, người ta phải thiết lập thêm một CDBĐ mới trên cơ sở của mối quan hệ vừa nêu. Khi đó, sơ đồ của tín hiệu tham gia vào cơ chế ẩn dụ sẽ được hình dung như sau:



Trong thực tiễn hoạt động ngôn ngữ, khi tiến hành so sánh theo phương thức ẩn dụ, người viết chỉ nêu ra một vế chứ không nêu ra cả hai vế theo so sánh tu từ kiểu: *Em như cái giếng giữa làng/ người khôn rửa mặt, người*

*phàm rửa chân.* Với so sánh ẩn dụ, dù là ẩn dụ tu từ hay ẩn dụ tri nhận thì cả người sử dụng ngôn ngữ và người tiếp nhận văn bản đều phải dùng một thao tác tư duy trừu tượng hơn. Ở đó, sự liên tưởng là đường dây nối kết giữa cái vô vật chất âm thanh của ngôn ngữ với các sự vật, hiện tượng vô cùng, vô tận của thế giới xung quanh. Người viết sẽ lựa chọn đơn vị ngôn ngữ nào, lựa chọn kiểu ẩn dụ nào để đạt được hiệu quả như mình mong muốn chính là sự sáng tạo, là quá trình tìm tòi và phát hiện không ngừng. Đọc thơ Hồ Chí Minh, người đọc luôn bất ngờ trước những khám phá và phát hiện mới mẻ. Mới lạ mà không lập dị. Mới mà vẫn có chân đế vững chắc từ cái nền của tư duy truyền thống dân tộc. Bài thơ "Học dịch kỳ" (Học đánh cờ) là một trong những trường hợp như vậy.

*Bế tọa vô liêu học dịch kỳ,  
Thiên binh vạn mã cộng khu trì;  
Tiến công thoái thủ ưng thân tốc,  
Cao tài tạt tức tiên đắc chi.  
Nhân quang ưng đại tâm ưng tế,  
Kiên quyết thì thì yếu tiến công;  
Thác lộ, song xa dã một dụng.  
Phùng thì, nhất tốt khả thành công.  
Song phương thế lực bản bình quân,  
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;  
Công thủ vận trù vô lậu toán,  
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.*

Phân tích bài thơ này, có thể thấy hình tượng thơ của tác giả được hình thành theo phương pháp của ẩn dụ tri nhận. Cụ thể là, câu thơ thứ hai *Thiên binh vạn mã* đuổi nhau hoài được hình thành qua việc tác giả coi một cái thuộc về trừu tượng "sự đấu tranh giằng co giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng" như một đối tượng cụ thể "thiên binh vạn mã đang đuổi nhau". Cho nên, về mặt hình thức, bài thơ chỉ là cách "học chơi cờ", nhưng nội dung hình tượng bên trong lại là



những bài học về phương pháp đấu tranh cách mạng, về tài dùng quân của người chỉ huy. Nó là một sự tổng kết sâu sắc những kinh nghiệm thực tế để đúc rút thành lý luận về con đường đi của sự nghiệp cách mạng.

Hình tượng của bài thơ này được hình thành qua ẩn dụ tri nhận: "sự hùng mạnh của

để quốc phong kiến" được xem như đôi tượng cụ thể là "quân cờ" (quân xe), còn "sự mỏng manh, yếu đuối của lực lượng cách mạng" được xem như đôi tượng cụ thể là "quân cò" (quân tốt). Cũng như vậy, theo con đường giải mã hình tượng ta có thể mô hình hóa bài thơ qua lược đồ sau:

Học đánh cờ

Nhàn rồi đem cờ học đánh chơi  
 Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài  
 Tiến công thoái thủ nhanh như chớp  
 Chân lẹ tài cao ắt thắng người  
 Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ  
 Kiên quyết, không ngừng thế tiến công  
 Lạc nước hai xe đánh bó phi  
 Gặp thời một tốt cũng thành công

Vốn trước hai bên ngang thế lực  
 Mà sau thắng lợi một bên giành  
 Tấn công phòng thủ không sơ hở  
 Đại tướng anh hùng mới xứng danh

Học phương pháp làm cách mạng

*Cách mạng là cuộc tranh đấu quyết liệt. Người làm cách mạng phải biết ứng biến nhanh nhẹn: lúc tiến, lúc lui cho phù hợp. Muốn thắng được đối phương đòi hỏi phải nhanh (biết chớp thời cơ) và có mưu cao.*

*Người làm cách mạng phải có tầm nhìn rộng (biết đặt bối cảnh cách mạng nước mình trong bối cảnh chung) và phải biết suy nghĩ kỹ trước khi hành động. Tư tưởng quán triệt là lúc nào cũng phải giữ tư thế tiến công kẻ thù.*

*Nếu bị sai lạc trong đường lối thì cách mạng đang mạnh sẽ trở thành yếu.*

*Biết tận dụng thời cơ thì cách mạng chưa đủ lực vẫn có thể chiến thắng kẻ thù.*

*Hai bên thế lực vốn ngang nhau, nhưng kết cục sẽ có một bên giành được thắng lợi.*

*Muốn thắng lợi thì người chỉ huy phải biết tiến công nhưng không được có những sơ hở trong phòng thủ (để đối phương lợi dụng tấn công mình). Có như vậy mới đúng là người chỉ huy có tài.*

Có thể thấy rằng, ở đây, Hồ Chí Minh dùng ẩn dụ kênh liên lạc dưới hình thức thơ ca là một loại ngôn ngữ có vần điệu, dễ nhớ, dễ thuộc, dễ nhập tâm. Cái mới trong sáng tạo ngôn ngữ của Người là Người đã tạo ra một kiểu ẩn dụ cấu trúc hoàn toàn mới, chưa hề có trong truyền thống thơ ca. Sự vận động và chuyển di các nét nghĩa của các từ xe, tốt được mô thức hóa theo con đường sau:

Từ ngữ	Sự vật	Khung nghĩa
Xe	Quân cờ (mạnh)	Trong bàn cờ
Tốt	Quân cờ (yếu)	-----
<b>Ẩn dụ</b> →	<b>Ý niệm</b>	<b>Khung nghĩa</b>
Thế mạnh	Tinh thể CM	Trong hoạt động CM
Thế yếu	-----	-----

Có thể nói, tư tưởng cách mạng luôn là tư tưởng quán xuyên trong tất cả các bài thơ của Hồ Chí Minh. Bởi vậy, mọi sáng tạo của Người về ẩn dụ ngôn ngữ đều xoay quanh sự tri nhận mới về con đường cách mạng, về tương lai đất nước cũng như các phương pháp đấu tranh cách mạng nhằm đem lại độc lập tự do cho tổ quốc.

Bài thơ "Học dịch kỳ" là kết quả sáng tạo ẩn dụ tri nhận theo hướng hoàn toàn mới. Loại ẩn dụ này chưa hề có trong thơ ca. Ai cũng biết, trong bàn cờ tướng (cờ người), quân xe là quân cơ động có tác dụng quyết định thế thắng thua của cuộc cờ. Còn quân tốt là quân ít có tác dụng nhất so với các loại



quân khác. Do đó, khi chơi cờ, người ta ít khi đi quân tốt để tiến công đôi phương mà chỉ đi nó khi thế cờ còn cầm chừng chưa có cơ hội (cờ bí gì tốt). Từ bài học thực tiễn, nhà thơ cách mạng Hồ Chí Minh đã tạo ra một đường dây liên tưởng mới theo hướng vận động nghĩa để mở cho từ và cấu trúc ngôn ngữ những khả năng diễn đạt sinh động, sâu sắc. Sự tri nhận về tình thế cách mạng thông qua sự xoay vần của thế cuộc trên bàn cờ khiến cho hình tượng thơ của Người được hình thành từ ẩn dụ tri nhận có một tầm tác động lớn đến nhận thức của người đọc: Thời cơ có thể làm thay đổi cục diện và tình thế "Thác lộ song xa đã một dụng/ Phùng thì, nhất tột khả thành công" (Lạc nước hai xe đành bỏ phí/ Gặp thời, một tốt cũng thành công). Vì vậy, người làm cách mạng phải biết nắm vững thời cơ để tiến hành cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa năm 1945 chính là đã đi theo phương pháp cách mạng này. Lúc đó, cách mạng không có gì trong tay, nhưng Đảng đã chớp đúng thời cơ lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi lên giành lại nền độc lập một cách thắng lợi. Đến năm 1975, khi thời cơ đến Đảng một lần nữa lại kịp thời động viên cả nước làm một cuộc chiến đấu thần tốc để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất tổ quốc. Vậy là sau hơn ba mươi năm, những giá trị hình tượng trong thơ Hồ Chí Minh được hình thành bằng phương pháp ẩn dụ tri nhận vẫn còn nguyên giá trị về tính khái quát của nó. Không phải toàn bài thơ mà mỗi câu thơ ở đây cũng là một bài học về chiến thuật, chiến lược đấu tranh cách mạng. Ta nhớ hai câu giữa của khổ thơ đầu: Thiên binh vạn mã cộng khu trì/ Tiến công thoái thủ ửng thần tốc (Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài/ Tấn công thoái thủ nên thần tốc) lại nhớ đến bài học về cuộc tấn công Buôn Mê Thuật của Đại thắng mùa xuân năm 1975. Đó là một trận chiến ác

liệt giữa ta và địch. Chúng ta đã thần tốc trong tiến công. Nhưng ngay sau khi chiếm được Buôn Mê Thuật, dự đoán địch sẽ phản kích nên ta đã nhanh chóng, khẩn trương củng cố trận địa để phòng thủ (tiến công phòng thủ nên thần tốc) giữ vững vị trí chiến lược quan trọng này, tạo đà cho những chiến dịch tiếp theo. Quả là như nhà thơ Hồ Chí Minh đã tiên tri: "Song phương thế lực bản bình quân/ Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân (Vốn trước hai bên ngang thế lực/ Mà sau thắng lợi một bên giành). Chúng ta đã giành được hoàn toàn thắng lợi năm 1975 chính vì đã vận dụng đúng thời cơ, biết áp dụng lối đánh "thần tốc" để áp đảo quân địch làm cho chúng đang ở thế quân đông, hoà lực mạnh mà nhanh chóng tan rã và rơi vào thế thất bại.

Đọc Nhật ký trong tù và những bài thơ mà chủ tịch Hồ Chí Minh sáng tác trong những thời điểm khác nhau, người đọc dễ nhận thấy, phương thức ẩn dụ nói chung và ẩn dụ tri nhận nói riêng luôn là các phương thức được Người thường xuyên vận dụng một cách độc đáo, sáng tạo không giống với bất kỳ nhà thơ nào khác. Các hình ảnh được đưa vào mối quan hệ liên tưởng để tạo ra ẩn dụ tri nhận rất đa dạng, phong phú nhưng luôn là những hình ảnh gắn gũi với cuộc sống của nhân dân và tư duy dân tộc. Vì thế, nó dễ đi sâu vào lòng người làm cho người ta tiếp nhận nó một cách tự nhiên. Trong nhiều hoàn cảnh, ý thơ sâu sắc làm đọng lại ở người đọc những suy nghĩ thâm trầm về một sự tổng kết kinh nghiệm trước qui luật của tự nhiên và xã hội. Chẳng hạn, bài "Tĩnh thiên" có những câu:

*Sự vật tuân hoàn nguyên hữu định,*

*Vũ thiên chi hậu tất tinh thiên;*

Dịch thơ:

*Sự vật vẫn xoay đà định sẵn*

*Hết mưa là nắng hừng lên thôi;*

(Nam Trân)



Hình tượng chính của bài thơ này cũng được hình thành theo con đường của ẩn dụ bản thể: Qui luật của đấu tranh cách mạng (trừu tượng) được xem như là "sự vật" (đôi tượng cụ thể). "Lúc gian nan, tối tăm, lúc tươi sáng, hy vọng" (trừu tượng) được xem như là "mưa và nắng". Cách nhận thức đó hoàn toàn không chỉ là sự liên tưởng ngẫu nhiên mà sự

tổng kết của nhận thức về qui luật mang tính bản chất của vận động. Câu thơ trên, vì thế, còn có chiều sâu của tư tưởng triết học. Ở đây, sự vận động và chuyển di ý nghĩa của từ được hình thành theo sự kết hợp giữa ẩn dụ tri nhận bản thể và ẩn dụ tri nhận định hướng (năng "hừng lên"). Quá trình đó như sau:

<b>Từ ngữ</b>	<b>Sự vật, hành động</b>	<b>Khung nghĩa</b>
Sự vật	Sự vật, hiện tượng	Trong thiên nhiên
Vấn xoay	Luôn vận động	-----
Định sẵn	Theo quy luật	Của thế giới VC
Hết mưa	Khô ráo	Hiện tượng thiên nhiên
Lũ nắng	Trời đẹp	-----
<b>Ẩn dụ</b> →	<b>Ý niệm</b>	<b>Khung nghĩa</b>
Mọi chuyện ở đời	Con đường cách mạng	Trong sự vận động phát triển lịch sử loài người
Luôn thay đổi	Lúc khó khăn lúc thuận lợi	Quá trình làm cách mạng
Trước đây đã như vậy	Đó là quy luật tất yếu	Người làm cách mạng cần nhận thức rõ
Sự tình	Qua thời điểm đen tối	Quá trình cách mạng
Niềm tin	Tương lai tươi sáng	Sự nghiệp cách mạng

### Tài liệu tham khảo

[1] Trần Văn Co, *Ngôn ngữ học tri nhận* (Ghi chép và suy nghĩ), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2007.  
 [2] G. Harman, *Cognitive Science? // The making of Cognitive Science*, Cambridge, 1988.  
 [3] G. Lakoff, M. Johson, *Metaphors we live by*, Chicago, 1980.  
 [4] Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận - Tì lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005.

[5] Hữu Đạt, Thử áp dụng lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận vào việc phân tích nhóm từ đồng nghĩa chỉ sự vận động "rời chỗ" trong tiếng Việt, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11, 2007.  
 [6] Hữu Đạt, *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001.  
 [7] Inxtitut Jazukaznanija, *Metaphora v jazuke i tekste*, Moskva, 1988.  
 [8] Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2007.  
 [9] Nguyễn Đức Tôn, Bản chất của ẩn dụ, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10+11, 2007.  
 [10] Hà Công Tài, *Ẩn dụ và thơ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.

## New features in Ho Chi Minh's poetic language as seen from the point of view of metaphorical theory

Nguyen Huu Dat

*College of Social Sciences and Humanities, VNU  
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

This report use cognitive linguistics theory to analyse poem linguistics. For example, the author of report already analyse the way to establish poem's images in some poems in "Imprison memory" follow to some issues of cognitive metaphor and point some new detail in Ho Chi Minh art's thought. From the result of description and analytic concrete, the writer have some ideas about the creation linguistics and the roles of Ho Chi Minh in progress to make improve Vietnamese modern poems.